|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 17/TBSB-BVTV | *Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2018* |

**THÔNG BÁO**

**TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY**

**TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 20/4/2018 đến ngày 26/4/2018*)

**Phần thứ 1**

TÌNH HÌNH SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

**1. Các tỉnh Bắc bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây lúa |  | 755.895 |
| *Trà cực sớm, sớm* | Trỗ bông – phơi màu |  |
| *Trà chính vụ, muộn* | Đứng cái - phát triển đòng |  |
| - Ngô xuân | Xoáy nõn – PT bắp, thu hoạch | 126.117 |
| - Lạc xuân | Hoa - phát triển củ | 15.264 |
| - Cam, quýt, bưởi | Hoa – phát triển quả | 46.764 |
| - Nhãn, vải | Phát triển quả | 78.519 |
| - Na | Phát triển nụ, hoa | 4.059 |
| - Chè | Phát triển búp – thu hái | 89.531 |
| - Mía | Trồng mới – mọc mầm | 10.893 |
| - Cà phê | Ra hoa – quả non | 16.077 |
| - Cao su | Thu hoạch nhựa | 23.202 |

**2. Các tỉnh Bắc Trung bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Lúa | Làm đòng - trỗ - chín | 351.390 |
| - Ngô | Cây con - C.sữa- c.sáp - TH | 43.836 |
| - Lạc | Phát triển củ | 37.018 |
| - Rau các loại | Cây con - PT thân lá-TH | 22.643 |
| - Cam, chanh, bưởi | Ra hoa - quả non | 22.103 |
| - Mía | TH - cây con | 52.453 |
| - Dứa | KTCB – KD | 1.671 |
| - Hồ tiêu | PT quả | 3.671 |
| - Cà phê | Ra hoa - PT quả | 6.103 |
| - Cao su | KTCB – KD | 75.257 |
| - Chè | KTCB – KD | 11.538 |
| - Sắn | Thu hoạch - cây con | 51.741 |

**3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| **- Cây lúa:** |  | **328.847** |
| Lúa Đông Xuân |  | **318.879** |
| *Lúa Đông Xuân cực sớm* | *Thu hoạch xong* | *1.497* |
| *Lúa Đông Xuân sớm* | *Chín - Thu hoạch* | *67.637* |
| *Lúa Đông Xuân chính vụ* | *Trỗ-chín* | *194.851* |
| *Lúa Đông Xuân muộn* | *Làm đòng* | *54.894* |
| Lúa Xuân Hè | Gieo sạ - đẻ nhánh | **9.700** |
| Lúa mùa sớm | Gieo sạ - mạ | **268** |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn | 43.581 |
| - Đậu đỗ Đông Xuân | Thu hoạch | 9.792 |
| - Ngô Đông Xuân | Chín sáp – thu hoạch | 27.102 |
| - Lạc Đông Xuân | Thu hoạch | 19.686 |
| - Cà phê | Quả non – ra quả | 603.788 |
| - Mía | đâm chồi - đẻ nhánh, phân lóng | 109.633 |
| - Hồ tiêu | Chăm sóc – phân hóa mầm hoa | 94.368 |
| - Cây điều | Quả non-thu hoạch | 113.517 |
| - Sắn | Cây con – PTTL | 11.073 |
| - Thanh Long | Ra hoa -quả chín | 27.258 |
| - Sầu riêng | Ra hoa - đậu quả | 9.021 |
| - Chè | Búp non-thu hoạch | 21.863 |
| - Dừa | Nhiều giai đoạn | 10.998 |

**4. Các tỉnh Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Lúa Đông Xuân 2017-2018 |  | **1.682.169** |
|  | *Đã thu hoạch* | 1.591.791 |
|  | *Trỗ - chín* | 90.972 |
| -Lúa Hè Thu 2018 |  | **628.027** |
|  | *Mạ* | *205.354* |
|  | *Đẻ nhánh* | *253.210* |
|  | *Đòng – trỗ* | *123.746* |
|  | *Chín* | *38.533* |
|  | *Thu hoạch* | *7.184* |
| - Cây ngô | Thu hoạch | 7.184 |
| - Cây có múi | Các giai đoạn | 18.648 |
| - Cây thanh long | Phát triển quả, thu hoạch | 103.946 |
| - Cây nhãn | Ra hoa - thu hoạch | 16.987 |
| - Cây cà phê | Ra cơi, ra đọt | 32.694 |
| - Cây hồ tiêu | Ra hoa – đậu trái | 38.500 |
| - Cây điều | Nuôi trái - thu hoạch | 45.475 |
| - Cây dừa | Đậu trái - thu hoạch | 184.592 |
| - Cây sắn | Khai thác – thu hoạch | 146.044 |

**Phần thứ 2**

**SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG**

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI VÀ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN**

**1. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

**1.1. Cây lúa**

***- Rầy hại lúa****:* Diện tích nhiễm 41.069 ha (tăng 26.478 ha so với kỳ trước, tăng 6.442 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.061 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Bắc.

***- Bệnh VL, LXL***: Diện tích nhiễm 6.359,5 ha (tăng 4.059,5 ha so với kỳ trước, tăng 5.744,5 ha so với CKNT), nhiễm nặng 675,5 ha. Phân bố tại các tỉnh Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An, Hậu Giang, Sóc Trăng và Cần Thơ.

***- Bệnh đạo ôn:***

*+Bệnh đạo ôn hại lá, cổ lá:* Diện tích nhiễm 51.133 ha (tăng 4.998 ha so với kỳ trước, tăng 34.027 ha so với CKNT), nhiễm nặng 3.560 ha, mất trắng 66 ha, phòng trừ 103.469 ha. Tập trung các tỉnh phía Bắc.

*+Bệnh đạo ôn cổ bông:* Diện tích nhiễm 1.178 ha (giảm 306 ha so với kỳ trước, giảm 1.134 ha so với CKNT), nặng 39 ha. Tập trung tại các tỉnh Huế, Nghệ An, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi...

***- Sâu cuốn lá nhỏ:*** Diện tích nhiễm 140.966 ha (tăng 139.550 ha so với kỳ trước, tăng 123.327 ha so với CKNT), nhiễm nặng 22.109 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc bộ.

***- Sâu năn (muỗi hành)***: Diện tích nhiễm 2.132 ha (giảm 534 ha so với kỳ trước, tăng 2.084 ha so với CKNT), nhiễm nặng 70 ha. Xuất hiện gây hại tại An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang.

***- Bệnh lùn sọc đen*:** Diện tích nhiễm 17,3 ha (giảm 06 ha so với kỳ trước), nặng 0,4 ha, phòng trừ 7,7 ha. Bệnh xuất hiện gây hại tại các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Lào Cai, Lai Châu, Bắc Kạn…

***- Bệnh đốm nâu***: Diện tích nhiễm 2.255 ha (giảm 227 ha so với kỳ trước, tăng 2.008 ha so với CKNT), nặng 46 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thừa Thiên Huế.

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 2.165 ha (giảm 1.450 ha so với kỳ trước, giảm 2.927 ha so với CKNT), nặng 33 ha. Phân bố các tỉnh trong cả nước.

***- Bệnh đốm sọc vi khuẩn***: Diện tích nhiễm 1.713 ha (tăng 07 ha so với kỳ trước, tăng 184 ha so với CKNT), nặng 73 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc.

***- Bệnh khô vằn***: Diện tích nhiễm 35.893 ha (tăng 10.340 ha so với kỳ trước, giảm 32.367 ha so với CKNT), nặng 877 ha, phòng trừ 11.790 ha. Phân bố hầu hết các tỉnh trong cả nước.

***- Bệnh đen lép hạt:*** Diện tích nhiễm 3.429 ha (tăng 428 ha so với kỳ trước, giảm 1.237 ha so với CKNT), nhiễm nặng 63 ha, phòng trừ 1.093 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh miền Trung, phía Nam.

***- Chuột****:* Diện tích hại 7.238 ha (giảm 1.797 ha so với kỳ trước, giảm 533 ha so với CKNT), hại nặng 252 ha. Phân bố các tỉnh trong cả nước.

***- Ốc bươu vàng****:* Diện tích hại 1.273 ha (giảm 256 ha so với kỳ trước, giảm 334 ha so với CKNT). Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Bắc.

Các đối tượng sinh vật khác gây hại nhẹ như: Sâu đục thân (523 ha), bệnh vàng lá sinh lý (120 ha), bọ trĩ (422 ha), bệnh khô đầu lá (485 ha)…

**1.2. Các loại rau, màu:** Bệnh mốc sương, bệnh xoăn lá cà chua, sâu tơ, bọ nhảy, sâu khoang, bệnh thán thư, dòi đục lá… gây hại nhẹ đến trung bình, nặng hại cục bộ một số diện tích.

- Bệnh lùn sọc đen trên Ngô: Diện tích nhiễm 02 ha tại Bắc Kạn.

**1.3. Cây nhãn*:*** Bệnh chổi rồng nhiễm 5.253 ha (giảm 38 ha so kỳ trước, giảm 1.202 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.603 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

**1.4. Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu nhiễm 412 ha (giảm 207 ha so kỳ trước, giảm 726 ha so với cùng kỳ năm trước), nhiễm nặng 03 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Long An, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai.

**1.5. Cây ăn quả có múi:** Bệnh Greening nhiễm 2.649 ha (tăng 35 ha so với kỳ trước, tăng 322 ha so CKNT), nặng 32 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Đồng Nai, Kiên Giang, Bình Phước.

**1.6. Cây dừa:** Bọ cánh cứng hại diện tích 9.810 ha (tăng 01 ha so với kỳ trước, giảm 4.755 ha so với CKNT), nặng 13 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, HCM.

**1.7. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng rễ***: Diện tích nhiễm 6.253 ha (giảm 17 ha so với kỳ trước, giảm 1.462 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.866 ha. Tập trung tại các tỉnh Đắk Nông, Bình Phước, Kiên Giang, Bà rịa – Vũng Tàu, Bình Dương…

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 6.919 ha (tăng 160 ha so với kỳ trước, tăng 1.258 ha so CKNT), nhiễm nặng 2.226 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Bình Phước, Đồng Nai, Kiên Giang…

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 2.592 ha (tăng 892 ha so với kỳ trước, tăng 1.044 ha so với CKNT), nhiễm nặng 984 ha, mất trắng 172,8 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Đồng Nai, Bình Phước, Kiên Giang...

**1.8. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành:*** Diện tích nhiễm 9.688 ha (giảm 350 ha so với kỳ trước, giảm 9.188 ha so CKNT), nhiễm nặng 52 ha, phòng trừ 10.290 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Trị...

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 7.570 ha (giảm 393 ha so với kỳ trước, giảm 6.145 ha so CKNT), phòng trừ 11.051 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Trị...

***- Rệp sáp:*** Diện tích nhiễm 7.586 ha (giảm 151 ha so với kỳ trước, giảm 4.120 ha so CKNT), nhiễm nặng 15 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Trị...

**1.9. Cây điều**

***- Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 46.777 ha (tăng 640 ha so với kỳ trước, tăng 15.971 ha so với CKNT), nhiễm nặng 613 ha, phòng trừ 2.457 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Phước, Lâm Đồng, Đồng Nai, Đắk Lắk, Gia Lai...

***- Bệnh thán thư***: Diện tích nhiễm 39.389 ha (giảm 1.361 ha so với kỳ trước, tăng 9.454 ha so với CKNT), nặng 1.510 ha, phòng trừ 2.495 ha. Tập trung tại Bình Phước, Lâm Đồng, Đồng Nai, Đắk Lắk, Đắk Nông...

**1.10. Cây sắn (mì):** Bệnh khảm lá virus, diện tích nhiễm 14.821 ha (tăng 217 ha so với kỳ trước, tăng 14.821 ha so với CKNT), nặng 1.817 ha, mất trắng 142,2 ha. Bệnh xuất hiện gây hại tại 02 tỉnh Tây Ninh và Bình Dương.

**1.11. Châu chấu tre**

**- Tre, luồng, vầu:** Diện tích nhiễm 359,23 ha (tăng 257,68 ha so với kỳ trước, tăng 24,2 so với CKNT), phòng trừ 89,43 ha (Điện Biên 339,5 ha, Phú Thọ 11,23 ha, Cao Bằng 7,5 ha, Quảng Ninh 01 ha). Châu chấu tre lưng vàng đã nở ở **05** tỉnh Phú Thọ, Điện Biên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Quảng Ninh.

**- Cỏ dại**

Châu chấu tre lưng vàng: Diện tích nhiễm 3,24 ha (giảm 70,56 ha), phòng trừ 2,5 ha. Xuất hiện tại tỉnh Cao Bằng.

- **Lúa**: Diện tích nhiễm 2,27 ha (giảm 0,71 ha so với CKNT), phòng trừ 2,27 ha. Xuất hiện từng ổ trên lúa tại huyện Đoan Hùng và Tam Nông tỉnh Phú Thọ.

**2. Các chủ trương, biện pháp đã triển khai, thực hiện**

- Các tỉnh phía Bắc theo dõi diễn biến thời tiết, tình hình bệnh đạo ôn hại lúa, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng... hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp phòng chống kịp thời.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 9556/CT-BNN-BVTV ngày 15/11/2017 về việc tăng cường công tác phòng trừ bệnh lùn sọc đen hại lúa; công văn số 357/BVTV-TV ngày 01/02/2018 về việc tập trung theo dõi và phòng chống bệnh lùn sọc đen hại lúa, tiếp tục lấy mẫu rầy lưng trắng kiểm tra tỷ lệ nhiễm vius lùn sọc đen.

Các tỉnh trung du, miền núi kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các ổ châu chấu tre lưng vàng ngay khi mới nở. Thực hiện tốt công văn số 966/BVTV-TV ngày 12/4/2018 về việc chủ động phòng chống châu chấu tre.

- Các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ theo dõi diễn biến thời tiết, hướng dẫn nông dân phòng chống kịp thời một số đối tượng: bọ xít muỗi, bệnh thán thư trên cây điều; bệnh *Phytophthora* gây hại trên cây sầu riêng.

- Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tăng cường công tác kiểm tra đồng ruộng, thực hiện tốt các biện pháp phòng chống sâu năn hại lúa. Tăng cường theo dõi diễn biến của rầy nâu vào đèn, xác định cao điểm rầy nâu di trú để chỉ đạo xuống giống vụ Hè Thu “né rầy” hiệu quả. Lấy mẫu rầy nâu kiểm tra xác định tỷ lệ nhiễm virus VL, LXL phục vụ công tác chỉ đạo. Thực hiện tốt văn bản số 154/BVTV-TV, ngày 16/01/2018 về việc tăng cường phòng chống sâu năn, bệnh VL,LXL hại lúa.

- Chỉ đạo các tỉnh chủ động phòng chống bệnh đốm nâu hại thanh long; bệnh chổi rồng hại nhãn, bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu, bệnh khô cành trên cây cà phê; bọ cánh cứng hại dừa.

- Chỉ đạo tỉnh Tây Ninh, Bình Dương tiếp tục thực hiện công tác phòng chống bệnh khảm lá sắn, rà soát, thống kê diện tích nhiễm nặng, khoanh vùng xử lý bọ phấn và tiêu hủy nguồn bệnh triệt để theo đúng quy định.

**II. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG**

**1. Trên lúa**

**1.1. Các tỉnh phía Bắc**

- Sâu cuốn lá nhỏ: Sâu non tiếp tục nở và gây hại diện rộng trên trà lúa ở giai đoạn đứng cái đến làm đòng nhất là các tỉnh đồng bằng, ven biển.

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Rầy tiếp tục nở và gây hại trên các giống nhiễm.

- Bệnh đạo ôn (lá, cổ lá đòng): Bệnh tiếp tục phát sinh gây hại trên những diện tích lúa muộn diện xanh tốt, bón thừa đạm, trên các giống nhiễm. Trên cổ bông bệnh tiếp tục phát sinh và gây hại trên diện tích lúa trỗ sớm, những diện tích lúa đã nhiễm bệnh đạo ôn trên lá.

- Bệnh lùn sọc đen tiếp tục biểu hiện trên các trà lúa ở giai đoạn đứng cái đến phát triển đòng.

- Sâu đục thân 2 chấm: Trưởng thành lứa 2 tiếp tục vũ hóa và đẻ trứng.

- Chuột, bệnh khô vằn, bạc lá - ĐSVK hại tăng.

- Châu chấu tre lưng vàng tiếp tục hại trên cây rừng tại các tỉnh Phú Thọ, Điện Biên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Quảng Ninh; hại lúa tại Phú Thọ.

**1.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ**

- Bệnh đạo ôn:

+ Bệnh đạo ôn lá tiếp tục gây hại xu hướng giảm, tập trung hại nặng những chân đất cát pha, thịt nhẹ, vùng bán sơn địa, vùng gieo cấy các các giống nhiễm (Xi23, AC5, P6, Thiên Ưu 8, Thái Xuyên 111, TBR225,...).

+ Bệnh đạo ôn cổ bông tiếp tục phát sinh, gây hại xu hướng tăng tại các tỉnh trong vùng do gặp thời tiết thuận lợi sương mù, mưa, ẩm độ cao có mưa nhỏ. Hại nặng trên trà chính vụ ở giai đoạn lúa trỗ bông phơi màu, gieo cấy các giống AC5, P6, Thiên Ưu 8, Thái Xuyên 111, TBR225,...

- Bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn tiếp tục phát sinh gây hại xu hướng tăng trên các trà lúa do gặp điều kiện khí hậu thích hợp. Hại nặng trên các chân ruộng bón phân không cân đối thừa đạm.

- Bệnh đốm nâu tiếp tục phát sinh gây hại, nặng hại cục bộ tại các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế.

- Bệnh khô vằn, rầy nâu rầy lưng trắng: Tiếp tục phát sinh gây hại tăng, hại nặng tại trên các chân ruộng úng nước, gieo cấy dày, bón thừa đạm.

- Chuột tiếp tục phát sinh gây tăng hại trên lúa làm đòng trỗ bông, hại nặng trên những chân ruộng gần mương máng, gò bãi.

- Các loại dịch hại khác phát sinh gây hại nhẹ.

**1.3. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

- Bệnh đạo ôn cổ bông, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đen lép hạt, bệnh khô vằn…tiếp tục phát sinh gây hại trên lúa Đông Xuân cuối vụ.

- Bọ trĩ, sâu keo, sâu cuốn lá nhỏ, chuột... phát sinh gây hại chủ yếu trên lúa Xuân Hè ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh. Chuột hại cục bộ trên các diện tích lúa gieo sạ.

**1.4. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

- Rầy nâu: Phổ biến tuổi 4-TT, xuất hiện ở mức nhẹ đến trung bình trên các trà lúa ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh. Cần quản lý tốt nguồn rầy nâu tại chỗ để hạn chế thấp nhất rầy truyền bệnh VL, LXL cho các diện tích lúa Hè Thu mới xuống giống.

Đối với các địa phương chưa xuống giống lúa Hè Thu (còn khoảng 1.000.000 ha) cần theo dõi bẫy đèn ở địa phương; tình hình thủy văn để xuống giống tập trung, né rầy.

Ngoài ra điều kiện thời tiết trong vùng hiện nay có nắng nóng kéo dài vào ban ngày; chiều tối có mưa rào rải rác, ẩm độ không khí cao là điều kiện thuận lợi cho SVGH phát triển. Chú ý thăm đồng thường xuyên, nắm chắc diễn biến của SVGH trên đồng ruộng để có biện pháp phòng chống kịp thời.

**2. Trên cây trồng khác**

- Cây rau màu: Bọ nhảy, Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bệnh thán thư, bệnh thối nhũn, dòi đục lá... tiếp tục gây hại; sâu ăn lá, bệnh gỉ sắt, bệnh lùn sọc đen… tiếp tục hại trên ngô; bệnh xoăn lá cà chua tiếp tục gây hại.

- Cây nhãn: bệnh chổi rồng nhãn tiếp tục gây hại.

- Cây thanh long: bệnh đốm nâu, ốc sên tiếp tục gây hại.

- Cây có múi: Bệnh greening tiếp tục gây hại.

- Cây hồ tiêu: tuyến trùng hại rễvà bệnh chết nhanh,chết chậm tiếp tục gây hại.

- Cây điều: diện tích nhiễm bọ xít muỗi và bệnh thán thư tiếp tục gây hại.

- Cây dừa: diện tích nhiễm bọ cánh cứng và bọ vòi voi tiếp tục gây hại.

- Cây cà phê: Bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt tiếp tục gây hại.

- Cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục hại.

**Phần thứ 3**

**ĐỀ NGHỊ**

**1. Các tỉnh phía Bắc**

- Tăng cường điều tra, giám sát chặt chẽ diễn biến phát sinh gây hại của rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân 2 chấm, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn... Chủ động, tổ chức chỉ đạo phòng chống ở những diện tích lúa có mật độ trứng, sâu non và tỷ lệ bệnh cao.

- Bệnh đạo ôn: Điều tra, giám sát diễn biến bệnh đạo ôn trên lá, cổ lá đòng và cổ bông. Chủ động phòng trừ những diện tích có tỷ lệ bệnh cao trong điều kiện thời tiết thuận lợi. Đối với bệnh đạo ôn cổ bông chủ động phun phòng cho diện tích lúa trỗ trong điều kiện thời tiết thuận lợi (nắng mưa xen kẽ) nhất là trên giống nhiễm.

**-** Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 9556/CT-BNN-BVTV ngày 15/11/2017 về việc tăng cường công tác phòng trừ bệnh lùn sọc đen hại lúa và công văn số 357/BVTV-TV ngày 01/02/2018 về việc tập trung theo dõi và phòng chống bệnh lùn sọc đen hại lúa ở các tỉnh, thành phố phía Bắc. Tiếp tục lấy mẫu rầy lưng trắng giám định virus lùn sọc đen để chủ động chỉ đạo phòng chống; Hướng dẫn tại Thông tư số 58/2010/TT-BNNPTNT ngày 05/10/2010 của Bộ NN&PTNT và phương án phòng chống bệnh lùn sọc đen mà được các địa phương đã ban hành.

- Điều tra giám sát chặt chẽ ổ châu chấu tre lưng vàng mới nở, tập trung tổ chức phòng chống không để châu chấu phát tán theo công văn số 966/BVTV-TV ngày 12/4/2018 của Cục Bảo vệ thực vật.

- Tiếp tục theo dõi sâu bệnh trên các cây rau màu, cây ăn quả, cây lâm nghiệp. Tổ chức phun trừ cho những nơi có mật độ sâu, tỷ lệ bệnh hại cao.

**-** Hướng dẫn bà con nông dân kết hợp thu hoạch, tiêu huỷ cây mía nhiễm bệnh chồi cỏ trên đồng ruộng. Tổ chức tuyên truyền, tăng cường công tác tập huấn cho nông dân về quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc, phòng chống sâu bệnh nhất là bệnh chồi cỏ và bọ hung và rệp xơ trắng hại mía.

- Xử lý, tiêu hủy những cây bị bệnh Greening nặng trên vườn cây có múi để phòng bệnh lây lan.

- Tiếp tục theo dõi diễn biến của các đối tượng sinh vật gây hại chính trên các cây rau màu, cây ăn quả, cây lâm nghiệp, xử lý khi mật độ sâu và tỷ lệ bệnh cao.

**2. Các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên**

- Theo dõi tình hình SVGH trên lúa Đông Xuân cuối vụ và các cây trồng chính khác.

- Chú ý theo dõi bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông, rầy nâu, rầy lưng trắng trên lúa ở giai đoạn đòng trỗ đến chắc xanh; bọ trĩ, sâu keo...trên lúa Xuân Hè, lúa Mùa sớm ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh.

- Chủ động chỉ đạo phòng trừ sớm những ổ dịch nhằm hạn chế lây lan diện rộng ảnh hưởng đến năng suất sản lượng cuối vụ.

- Bệnh gỉ sắt, rệp, bệnh khô cành trên cà phê ở giai đoạn ra hoa đến quả non; Tuyến trùng rễ, bệnh chết nhanh, chết chậm, rệp sáp hại trên cây hồ tiêu. Hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng, thu dọn tàn dư để giảm áp lực bệnh trên đồng ruộng nhất là bệnh do nấm *phytophthora* gây ra.; Bọ xít muỗi, bệnh thán thư hại trên cây điều; nứt thân xì mủ, bệnh thán thư...hại sầu riêng.

- Trên cây sầu riêng ở huyện Krông Păk tỉnh Đăk Lăk cần khuyến cáo nông dân hái bỏ hoa, tạo điều kiện thuận lợi cho cây phục hồi đối với những vườn cây bị bệnh nặng năm trước do nấm *phytophthora*.

- Trên cây sắn: Tỉnh Phú Yên cần hướng dẫn nông dân xử lý rệp sáp bột hồng theo quy trình phòng trừ rệp sáp bột hồng của Cục BVTV ban hành, tránh để lây lan diện rộng.

- Tổ chức phòng chống chuột, thu lượm OBV, ra dự báo vụ, lập kế hoạch chỉ đạo bảo vệ sản xuất lúa vụ xuân hè, hè thu và lúa mùa sớm.

**3. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

- Theo dõi diễn biến các đối tượng sinh vật gây hại trên lúa Đông Xuân 2017-2018, lúa Hè Thu 2018 để có biện pháp chỉ đạo kịp thời. Kiểm tra tỉ lệ rầy nâu vào đèn mang mầm bệnh VL-LXL ở các địa phương để chủ động trong công tác phòng chống và gieo sạ đồng loạt né rầy cho vụ Hè Thu. Thực hiện tốt công văn số 154/BVTV-TV, ngày 16/01/2018 về việc tăng cường phòng chống sâu năn, bệnh VL,LXL hại lúa của Cục BVTV. Hướng dẫn nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật quản lý sâu năn hại lúa ban hành kèm theo văn bản số 242/BVTV-TV ngày 22/02/2017 của Cục BVTV.

- Các tỉnh trồng sắn ở khu vực Đông Nam bộ cần tăng cường công tác điều tra phát hiện bệnh khảm lá và rệp sáp bột hồng trên cây sắn.

- Các tỉnh ở khu vực ĐNB tăng cường công tác điều tra phát hiện đối với bọ xít muỗi và tỷ lệ bệnh thán thư hại trên cây điều. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để người sản xuất chủ động trong công tác phòng chống và quản lý tốt hai đối tượng này.

- Tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết và tình hình SVGH trên cây lúa và các cây trồng khác để có biện pháp quản lý phù hợp.

Ngoài ra, các Trung tâm BVTV vùng tiếp tục nhân nuôi OKS bọ dừa và bọ đuôi kìm cung cấp cho các tỉnh. Các tỉnh trong cả nước thực hiện tốt các văn bản: số 315/BVTV-TV ngày 03/3/2017 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong điều kiện biến đổi khí hậu và văn bản số 2455/BVTV-TV ngày 19/10/2017 về việc tăng cường phòng trừ chuột bảo vệ mùa màng./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục BVTV;  - Phòng KH, HTQT&TT (đưa website Cục);  - Trung tâm BVTV vùng;  - Trung tâm tin học thống kê của Bộ;  - Báo NNVN; Đài VTC16;  - Lưu: VT, BVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** | | 369**KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** |

**DIỆN TÍCH NHIỄM DỊCH HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 20/4/2018 đến ngày 26/4/2018*)

| TT | Tên dịch hại | Diện tích nhiễm (ha) | | | | DTN nhiễm so | | Diện tích phòng trừ (ha) | Phân bố tập trung |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số | Nhẹ-TB | Nặng | Mất trắng | Kỳ trước | CKNT |
| 1 | Đạo ôn lá hại lúa | 51.133 | 47.506 | 3.560 | 66 | 4.998 | 34.027 | 103.469 | Các tỉnh phía Bắc |
| 2 | Đạo ôn cổ bông hại lúa | 1.178 | 1.139 | 39 |  | -306 | -1.134 |  | Các tỉnh BTB, DHMT |
| 3 | Rầy hại lúa | 41.069 | 40.008 | 1.061 |  | 26.478 | 6.442 |  | Các tỉnh phía Bắc |
| 4 | Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa | 140.966 | 118.857 | 22.109 |  | 139.550 | 123.327 |  | Các tỉnh phía Bắc |
| 5 | Sâu đục thân dảnh héo | 523 | 522 | 1 |  | -30 | 128 |  | Các tỉnh phía Bắc |
| 6 | Bệnh đốm nâu | 2.255 | 2.209 | 46 |  | -227 | 2.008 |  | Hà Tĩnh, Nghệ An,Huế |
| 7 | Bệnh bạc lá lúa | 2.165 | 2.132 | 33 |  | -1.450 | -2.927 |  | Các tỉnh phía Nam |
| 8 | Bệnh đốm sọc vi khuẩn | 1.713 | 1.640 | 73 |  | 7 | 184 | 1.083 | Các tỉnh Phía Bắc |
| 9 | Bệnh VL-LXL | 6.359,5 | 5.384 | 675,5 |  | 4.060 | 5.744,5 |  | KG, ĐT, LA, HG, ST, CT |
| 10 | Bệnh lùn sọc đen | 17,3 | 16,9 | 0,4 |  | -6 | - |  | NB, LCh, LC... |
| 11 | Chuột hại lúa | 7.238 | 6.986 | 252 |  | -1.797 | -553 |  | Cả nước |
| 12 | Ốc bươu vàng hại lúa | 1.273 | 1.273 |  |  | -256 | -334 |  | Các tỉnh phía Bắc |
| 13 | Bệnh khô vằn hại lúa | 35.893 | 35.015 | 877 |  | 10.340 | -32.367 | 11.790 | Cả nước |
| 14 | Sâu năn hại lúa | 2.132 | 2.062 | 70 |  | -534 | 2.084 |  | An Giang , Đồng Tháp, Kiên Giang |
| 15 | Bệnh đen lép hạt lúa | 3.429 | 3.366 | 63 |  | 428 | -1.237 |  | BTB, phía Nam |
| 16 | Châu chấu tre lưng vàng hại lúa | 2,27 | 2,27 |  |  | 2 | -0,71 | 2,27 | Phú Thọ |
| 17 | Chổi rồng nhãn | 5.253 | 3.650 | 1.603 |  | -38 | -1.202 |  | VL, CT, ĐT, ST, BP, TG, BT, ĐN, BR-VT |
| 18 | Bệnh đốm nâu thanh long | 412 | 409 | 3 |  | -207 | -726 | 249 | TG, ĐN, VT, BT |
| 19 | Bệnh Greening hại cây có múi | 2.649 | 2.617 | 32 |  | 35 | 322 |  | VL, TG, HG, STr, ĐN, KG, BP, NA |
| 20 | Bọ cánh cứng hại dừa | 9.810 | 9.797 | 13 |  | 1 | -4.755 |  | CM, BT, TG, KG, TV, HCM |
| 21 | Tuyến trùng hại tiêu | 6.253 | 4.387 | 1.866 |  | -17 | -1.462 |  | BP, ĐN, KG, BRVT, BD |
| 22 | Bệnh chết chậm hại tiêu | 6.919 | 4.693 | 2.226 |  | 160 | 1.258 |  | PY, KH, GL, ĐL, Đ. Nông, LĐ, BP, ĐN, KG, BRVT. |
| 23 | Bệnh chết nhanh hại tiêu | 2.592 | 1.435 | 984 | 172,8 | 892 | 1.044 | 1.477 | QT, Huế, BĐ, PY, GL, ĐL, Đ. Nông, LĐ, BP, ĐN, KG, BD. |
| 24 | Bệnh khô cành cà phê | 9.688 | 9.636 | 52 |  | -350 | -9.188 | 10.290 | GL, LĐ, ĐL, QT, ĐN, BP,SL, ĐB |
| 25 | Bệnh gỉ sắt hại cà phê | 7.570 | 7.570 |  |  | -393 | -6.145 | 11.051 | Gia Lai, Lâm Đồng, Đắc Lăk, Quảng Trị |
| 26 | Rệp sáp hại cà phê | 7.586 | 7.571 | 15 |  | -151 | -4.120 |  | GL, LĐ, ĐL, QT, ĐN, BP, BR - VT |
| 27 | Bọ xít muỗi hại điều | 46.777 | 46.164 | 613 |  | 640 | 15.971 | 2.457 | BP, ĐN, BR-VT, BD, BĐ, ĐL, BT, LĐ.. |
| 28 | Thán thư hại điều | 39.389 | 37.879 | 1.510 |  | -1.361 | 9.454 | 2.495 | BP, ĐN, BR-VT, BD, BĐ, ĐL, BT, LĐ. |
| 29 | Bệnh khảm lá virus sắn (mì) | 14.821 | 12.862 | 1.816,6 | 142,2 | 217 | 14.821 |  | Tây Ninh, Bình Dương |

**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**